

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lóp: **TBV23B2**

Năm học: **23-24**

Mã MH/MĐ: **MH02213**Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Sinh thái nông nghiệp và PTBV**

Số TC: 2

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ	
1	2356201163492	Nguyễn Phát	Đạt	19/09/2008				8	6.0					8.0		7.5
2	2356201163493	Phùng Tấn	Đạt	21/01/2008				8	6.0					9.0		8.1
3	2356201163494	Võ Thị Huỳnh	Giao	16/10/2008				7	6.0					10.0		8.5
4	2356201163495	Mạch Văn	Hào	20/04/2008				10	5.0					9.0		8.1
5	2356201163497	Trần Quốc	Khải	20/09/2008				8	6.0					10.0		8.7
6	2356201163498	Nguyễn Phan Đăng	Khoa	07/12/2008				10	6.0					9.0		8.3
7	2356201163499	Tăng Trung	Kiên	20/06/2008				10	8.0					10.0		9.5
8	2356201163500	Trần Quốc	Kiệt	23/01/2008				9	7.0					8.5		8.2
9	2356201163502	Dương Văn	Linh	05/05/2008				0	0.0					0.0	0.0	0.0
10	2356201163503	Lương Hồng	Lĩnh	21/08/2008				10	5.0					10.0		8.7
11	2356201163504	Nguyễn Phước	Lộc	25/10/2008				10	8.0					10.0		9.5
12	2356201163506	Phan Tấn	Nghiệp	07/11/2008				10	6.0					10.0		8.9
13	2356201163508	Trần Thị Yến	Nhi	07/05/2007				8	6.0					10.0		8.7
14	2356201163509	Nguyễn Thị	Như	07/09/2008				7	7.0					10.0		8.8
15	2356201163510	Trần Sĩ	Pháp	12/11/2008				0	0.0					0.0	0.0	0.0
16	2356201163511	Trần Thanh	Phong	30/07/2008				0	0.0					0.0	0.0	0.0
17	2356201163512	Nguyễn Cao	Thái	03/10/2008				7	7.0					5.0		5.8
18	2356201163513	Phạm Văn	Thảo	04/10/2008				10	7.0					10.0		9.2
19	2356201163514	Nguyễn Hoàn	Thiện	30/08/2008				10	6.0					0.0	0.0	2.9
20	2356201163515	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/06/2008				6	6.0					10.0		8.4
21	2356201163516	Nguyễn Văn	Tĩnh	23/06/2008				8	6.0					10.0		8.7
22	2356201163517	Hà Thị Bảo	Trâm	29/08/2008				6	7.0					10.0		8.7
23	2356201163518	Trần Bảo	Trọng	06/11/2008				0	0.0					0.0	0.0	0.0
24	2356201163519	Nguyễn Lâm	Vũ	12/05/2008				8	6.0					10.0		8.7

Châu Đốc, ngày 15 tháng 7 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Tiến Đạt